ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ GIAO THỦY	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2075 /QĐ-UBND	*Giao Thủy, ngày 28 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự án (Báo cáo kinh tế-kỹ thuật)
Công trình: Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Giao Thủy (đoạn từ cống Cát thôn Bình Thịnh đến chùa Trùng Hưng thôn Hoành Đông)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ GIAO THỦY

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024; Luật số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 944/QĐ-UBND ngày 12/06/2026 của Ủy ban nhân dân xã Giao Thủy về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng dự án: Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Giao Thủy (đoạn từ cống Cát thôn Bình Thịnh đến chùa Trùng Hưng thôn Hoành Đông).

Xét Văn bản số 119/CV-PKT ngày 22/09/2026 của Phòng Kinh tế về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Giao Thủy (đoạn từ cống Cát thôn Bình Thịnh đến chùa Trùng Hưng thôn Hoành Đông);

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế tại Tờ trình số 617/TTr-PKT ngày

25/9/2026 về việc phê duyệt dự án (Báo cáo kinh tế - kỹ thuật) công trình: Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Giao Thủy (đoạn từ cống Cát thôn Bình Thịnh đến chùa Trùng Hưng thôn Hoành Đông; đề nghị của đơn vị tư vấn quản lý dự án tại Tờ trình số 23/09/TTr-QLDAGR ngày 23/9/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình: Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Giao Thủy (đoạn từ cống Cát thôn Bình Thịnh đến chùa Trùng Hưng thôn Hoành Đông) với các nội dung sau:

1. Tên dự án: Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Giao Thủy (đoạn từ cống Cát thôn Bình Thịnh đến chùa Trùng Hưng thôn Hoành Đông).

2. Địa điểm xây dựng: Xã Giao Thủy, tỉnh Ninh Bình.

3. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Giao Thủy.

4. Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân xã Giao Thủy.

5. Tổ chức tư vấn khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Công ty cổ phần đầu tư và tư vấn xây dựng Thảo Nguyên.

6. Tổ chức tư vấn thẩm tra Báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Công ty cổ phần tư vấn xây dựng và đầu tư phát triển Thành Nam.

7. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình; thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính:

+ Dự án nhóm C;

+ Loại, cấp công trình: Công trình giao thông, cấp IV;

+ Thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính theo tiêu chuẩn thiết kế được áp dụng cho dự án.

8. Mục tiêu dự án:

Đáp ứng yêu cầu phát triển về dân số, mật độ phương tiện giao thông mới do đời sống nhân dân ngày càng được cải thiện, giảm ách tắc giao thông, kết nối và phát huy hiệu quả, khai thác tiềm năng kinh tế của khu vực và phù hợp với nguyện vọng của nhân dân trong vùng, tạo cảnh quan, cải tạo môi trường phù hợp với mong muốn của Đảng bộ, chính quyền xã Giao Thủy và phù hợp với định hướng phát triển giao thông của địa phương.

9. Quy mô đầu tư xây dựng:

Công trình: Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Giao Thủy (đoạn từ cống Cát thôn Bình Thịnh đến chùa Trùng Hưng thôn Hoành Đông) được thiết kế tuân theo TCVN 4054-2005 bao gồm các hạng mục sau:

TT	Chỉ tiêu kỹ thuật	Đơn vị	Thông số
1	Cấp đường		Cấp V đồng bằng

TT	Chỉ tiêu kỹ thuật	Đơn vị	Thông số
2	Tốc độ thiết kế	km/h	40
3	Độ dốc dọc lớn nhất	%	7
4	Độ dốc siêu cao lớn nhất isc	%	6
5	Bán kính cong nhỏ nhất	m	60
6	Bán kính nhỏ nhất thông thường	m	125
7	Bán kính không cần cấu tạo siêu cao	m	600
8	Chiều dài tối thiểu của đoạn đổi dốc	m	120 (70)
9	Mặt cắt ngang	m	7,5
10	Chiều rộng phần xe chạy dành cho cơ giới	m	2x2,75
11	Chiều rộng lề gia cố	m	2x0,5
12	Chiều rộng lề đất	m	2x0,5
13	Độ dốc ngang	%	$I_{mặt}$=2%; $i_{lề}$=4%
14	Tải trọng thiết kế		+ Tải trọng thiết kế 0.65HL93 – Cầu

9.1 Hướng tuyến và bình đồ tuyến:

- Điểm đầu: Cống Cất
- Điểm cuối tuyến: Chùa Trùng Hưng
- Nguyên tắc thiết kế tim tuyến: Cơ bản bám theo đường cũ để tận dụng nền, giảm khối lượng đất đắp nền đường, nắn chỉnh hướng tuyến tại khu vực nhiều đường cong nằm nhưng phải đảm bảo giảm thiểu việc đền bù giải phóng mặt bằng đến mức tối thiểu. Tại những vị trí có bán kính cong nhỏ cố gắng nắn chỉnh bán kính cong đạt yêu cầu kỹ thuật của cấp đường thiết kế. Tại vị trí khó khăn, châm chước việc cải thiện bán kính để ảnh hưởng tối thiểu đến tài sản của dân nhưng vẫn phải đảm bảo giao thông được an toàn. Dựa trên nguyên tắc:

+ Đi qua các điểm khống chế.

+ Đảm đào bỏ toàn bỏ bảo chỉ tiêu kỹ thuật của tuyến đường.

+ Cơ tuyến hài hòa, phù hợp với địa hình và hạn chế giải phóng mặt bằng.

9.2 Thiết kế trắc dọc và trắc ngang:

- Do mặt cũ hư hỏng đào bỏ toàn bộ mặt đường cũ trắc dọc tuyến được thiết kế trên cơ sở phù hợp các công trình kiến trúc hai bên đường. Cao độ đường đỏ cao hơn so với mặt đường hiện trạng trung bình 20-25(cm).
- Trắc dọc tuyến được thiết kế căn cứ trên cơ sở kết quả đánh giá nền mặt đường cũ, chiều dầy kết cấu các lớp kết cấu áo đường và cao độ các điểm khống chế trên tuyến như: điểm đầu, điểm cuối, cầu cống trên tuyến và cốt cao độ nhà dân; phù hợp với mực nước thường xuyên dọc tuyến...

9.3 Thiết kế nền đường:

- Đối với các đoạn đường làm mới: Đào khuôn áo làm mới, xáo xới lu lèn nền đường cũ chiều sâu tác động 35cm, sau đó đắp trả bằng lớp cát dày 30cm đầm chặt K> 0,98 và lớp đá thải dầy 20cm sau đó rải kết cấu mặt đường làm mới.

- Nền đường đắp bằng đất đầm chặt K>0,95. Ta luy đắp 1/1.5. Trước khi đắp đất nền đường phải đào bỏ lớp đất không thích hợp dày TB 50cm đoạn qua mương và TB 30cm đoạn qua ruộng.

9.4 Thiết kế trắc dọc và trắc ngang:

- Công trình được thiết kế với tổng chiều dài là L = 790m.
- Bề rộng mặt đường thiết kế: Bmặt = 2.75x2 = 5.50m.
- Độ dốc ngang mặt đường imặt = 2%.
- Độ dốc ngang lề đường ilề = 4%.
- Làm mới 2 cầu bản mố nhẹ, nối dài 1 cầu hiện trạng, làm mới 6 cống tròn D600.

9.5 Giải pháp thiết kế đường:

* Kết cấu mặt đường làm mới:

+ Mặt đường láng nhựa 3 lớp, nhựa 4,5kg/m2 dày 3,5cm.

+ Lớp đá dăm tiêu chuẩn dày 12cm

+ Lớp móng đá 4x6 dày 15cm

+ Lớp đá thải đầm chặt dày 20cm

+ Cát đen đầm chặt K98 dày 30cm.

+ Xáo xới, lu lèn nền cũ chiều sâu tác động 35cm.

* Đối với mặt đường tận dụng:

+ Mặt đường láng nhựa 3 lớp, nhựa 4,5kg/m2 dày 3,5cm.

+ Lớp đá dăm tiêu chuẩn dày 12cm

+ Bù vênh bằng đá dăm tiêu chuẩn.

* Kết cấu lề gia cố:

+ Lề bê tông xi măng M200 dày 10cm

+ Lớp nilong chống mất nước

+ Lớp đá thải đầm chặt dày 10cm

* Kết cấu tường chắn đá xây:

+ Thân, móng tường chắn đá xây vữa XMCV M100.

+ Đá dăm đệm đầm chặt, dày 10cm.

+ Cọc tre D>=60, L = 2.0m, mật độ 20 cọc/m2.

+ Khe phòng lún bằng giấy dầu 2 lớp, quyét nhựa 3 lớp, khoảng cách bố trí 10m/khe.

+ Bố trí gờ chắn bánh trên đỉnh tường chắn đá xây, khoảng cách bố trí 2m/gờ.

+ Bố trí khối lọc nước bằng đá 1x2, khoảng cách bố trí 5m/khối.

9.6 Giải pháp thiết kế cầu, cống:

Bảng thống kê cầu làm mới

STT	Vị trí cầu	Hiện trạng		Thiết kế				Ghi chú
		Thông thuỷ	Bề rộng toàn cầu	Thông thuỷ	Bề rộng toàn cầu	Cao độ mặt cầu	Cao độ đáy cầu	
		m	m	m	m	m	m	
1	Cọc Km0	3,0	7,50	3,0	10,5	+1,35	-1,10	
2	Cọc 32	3,5	4,0	4,0	6,0	+1,50	-1,40	
3	Cọc 33	2,5	4,3	3,5	8,0	+1,50	-1,40	Giàn van, cánh cửa

Bảng thống kê cống tròn làm mới

STT	Vị trí	Kích thước hiện trạng (cm)	Kích thước thiết kế (cm)	Cao trình đáy cống	Hình thức
1	Cọc D1	Φ50	Φ60	-0,45	Làm mới
2	Cọc 6	Φ50	Φ60	-0,45	Làm mới
3	Cọc 15	Φ40	Φ60	-0,30	Làm mới
4	Cọc 20	Φ60	Φ60	-0,35	Làm mới
5	Cọc D6	Φ60	Φ60	-0,40	Làm mới
6	Cọc 28	Φ60	Φ60	-0,40	Làm mới

* Kết cấu cầu bản mố nhẹ BTCT;

- Tải trọng thiết kế H10 (theo định hình 531-11-02);
- Lớp phủ mặt cầu BTCT đổ tại chỗ M300;
- Dầm cầu BTCT đúc sẵn M250
- Xà mũ BTCT M250 đổ tại chỗ;
- Hai bên thân và móng mố BT M200 đổ tại chỗ;
- Gia cố lòng cầu bằng BT M200 đổ tại chỗ dày 30cm;
- Móng mố đặt trên nền đất gia cố cọc tre D>=60, L = 2.0m, đóng 20

cọc/m2;

- Bản vượt BTCT M250;

- Lan can cầu bằng thép hình thép bản, tay vịn bằng thép ống;

- Giàn van BTCT M250 đổ tại chỗ

- Cửa van phẳng bằng thép, đóng mở bằng pa lăng xích 3T

* Kết cấu cống tròn:

- Tường đầu cống bằng BTXM M200;

- Thân cống sử dụng ống bê tông mua sẵn, miệng âm dương, tải trọng HL93;

- Nền cống được xử lý bằng cọc tre ϕ (6÷8)cm, L=2.0m, mật độ 20 cọc/m2.

9.7 Di chuyển, đền bù ĐZK 22kV lộ 482 E3.13 (khoảng từ cột 7 nhánh Bình Hòa 5 đến trạm biến áp Bình Hòa 3).

* Tháo dỡ thu hồi:

Tháo dỡ, thu hồi toàn bộ vật tư khoảng từ sau cột 7 nhánh Bình Hòa 5 đến TBA Bình Hòa 3 lộ 482 E3.13. Cụ thể:

- Cột: Chặt hạ tại gốc các vị trí cột bê tông li tâm nằm trong phần lòng đường để GPMB gồm 05 vị trí cột 8; 9; 10; 11 nhánh Bình Hòa 5 và cột 1 nhánh Bình Hòa 3 lộ 482 E3.13 các vị trí đều sử dụng cột đơn LT10m và LT12m. (Bỏ phần bê tông móng và chân cột)

- Dây dẫn: Tháo dỡ thu hồi dây dẫn 3 sợi x Ac-50mm2 khoảng từ cột 7 nhánh Bình Hòa 5 đến TBA Bình Hòa 3 lộ 482 E3.13, chiều dài (3x420) = 1260m.

- Xà, giá thép: Tháo hạ, thu hồi toàn bộ xà thép tại các vị trí chặt hạ cột gồm 03 chụp cột li tâm 2,0m; 02 bộ xà XK-1T; 01 bộ xà XN-1T; 01 bộ xà XV-1T; 01 bộ xà XKL-1T-3F và 01 bộ xà XRL-1T.

- Cách điện: Tháo hạ, thu hồi toàn bộ cách điện khoảng néo từ cột 7 nhánh Bình Hòa 5 đến TBA Bình Hòa 3 lộ 482 E3.13.

* Di chuyển, đền bù ĐZK 22kV lộ 482 E3.13 (khoảng từ cột 7 nhánh Bình Hòa 5 đến trạm biến áp Bình Hòa 3):

Điểm đầu: Vị trí 7 nhánh Bình Hòa 5 lộ 482 E3.13.

Điểm cuối: TBA Bình Hòa 3 thuộc lộ 482 E3.13

Đặc điểm tuyến: Xây dựng đoạn tuyến ĐZK 22kV di chuyển đền bù đi ven theo lề đường quy hoạch sử dụng dây dẫn 3 sợi x AcX2.5E-70/11mm^2 treo trên cột bê tông li tâm 14m theo kiểu 3 pha tam giác (xà lệch 2 tầng dây) đảm bảo hành lang an toàn khi đi ven theo khu vực dân cư, địa hình tuyến tương đối bằng phẳng

+ Cột: Vị trí cột 1 nhánh Bình Hòa 3 lộ 482 E3.13 néo cuối tuyến sử dụng cột PC.I14-18,0kN (Dn=230); vị trí cột 11 nhánh Bình Hòa 5 lộ 482 E3.13 rẽ nhánh sử dụng cột PC.I14-13,0kN; các vị trí còn lại sử dụng cột đơn PC.I14-11,0kN;

+ Móng cột: Do mặt bằng tuyến cột đi ven theo đường giáp với phía dân cư nên sử dụng kiểu móng lệch, kiểu móng khối đúc tại chỗ, sử dụng bê tông cốt thép mác 150, đá 2x4; Vị trí cột số 1 nhánh Bình Hòa 3 lộ 482 E3.13 néo cuối tuyến sử dụng móng cột đơn ML14-6a; các vị trí còn lại sử dụng móng cột đơn ML14-3. Móng có cốt thép Φ8-:-12 làm tấm đan chống tụt cột & tăng cường móng

+ Dây dẫn: Khoảng từ cột 7 nhánh Bình Hòa 5 đến trạm biến áp Bình Hòa 3 lộ 482 E3.13 thay mới bằng dây dẫn AcX2.5E-70/11mm^2 chiều dài 420m x 3 pha (chưa bao gồm lèo, độ võng và hao hụt);

+ Xà, giá thép: Néo đầu tuyến tại vị trí cột 7 thay thế bộ xà rẽ cân sứ chuỗi bằng bộ xà rẽ lệch 2 pha sứ chuỗi XNL-22N-2F để lánh hành lang dân cư. Néo cuối tuyến tại vị trí cột 1 nhánh Bình Hòa 3 lộ 482 E3.13 sử dụng bộ xà néo lệch 2 tầng cột đơn XNL-1T -2 (230) cho cột béo có đường kính ngọn cột Dn=230. Các vị trí trung gian còn lại sử dụng bộ xà khoá lệch 2 tầng cho cột đơn XKL-1T-2; Rẽ nhánh tại vị trí cột 11 sử dụng bộ xà rẽ trên 1 cột XRL-1T kết hợp bộ xà đỡ lèo XP-1. Toàn bộ xà, giá thép ... được chế tạo bằng thép hình theo TCVN, sau khi gia công xong phải được mạ kẽm nhúng nóng chiều dày lớp mạ kẽm tối thiểu 80µm.

+ Cách điện: Các vị trí néo dây dẫn dùng chuỗi néo x 3 bát thủy tinh + phụ kiện giáp níu cho dây bọc 70mm^2; Đỡ lèo dây dẫn sử dụng cách điện đứng kiểu PinPost/Linepost-24kV(chiều dài đường rò ≥744mm) + ty mạ kẽm NN.

+ Nối đất: Tất cả các vị trí cột trồng mới đều được bố trí 01 bộ tiếp địa Rc-1.

9.8 Di chuyển, đền bù đoạn tuyến ĐZK 0,4kV lộ 1 và 2 sau TBA Bình Hòa 3:

Di chuyển, đền bù đoạn tuyến đường dây 0.4kV đi kết hợp đường dây trung thế (kiểu trên cao, dưới hạ) thuộc lộ 1 và lộ 2 sau TBA Bình Hòa 3 khoảng từ TBA Bình Hòa 3 đến cột (1.2).12 (cột số 7 ĐZK 22kV nhánh Bình Hòa 5 lộ 482 E3.13). Cụ thể:

- Cột & móng cột:

+ Đoạn tuyến có 07 vị trí (1.2).2; (1.2).3; (1.2). 4; (1.2).6; (1.2).7; (1.2).9; (1.2).10 là cột đường dây trung thế thay mới gồm các vị trí và 01 vị trí (1.2).12 là cột trung thế hiện trạng.

+ Trồng mới 06 vị trí trong đó 02 vị trí cột (1.2.3).1 và cột (1.2).11 là cột néo đầu, cuối tuyến sử dụng cột li tâm PC.I8.5-11,0kN + MT-3; 04 vị trí (1.2).5; (1.2).6a; (1.2).8 và (1.2).9 sử dụng cột PC.I 8.5-4,3kN + móng ML-1.

- Dây dẫn:

+ Thay dây dẫn VX(4x95)mm^2 từ tủ phân phối 0.4kV sau TBA Bình Hòa 3 đến cột (1.2.3).1 (cột xuất tuyến) và dây dẫn (3AV95+1AV70)mm^2 khoảng từ cột (1.2.3).1 đến cột (1.2).2 bằng cáp VX(4x95)mm^2 do khoảng cách pha giữa dây dẫn (3AV95+1AV70)mm^2 khoảng từ cột (1.2.3).1 đến cột (1.2).2 đến dây dẫn 22kV 3Ac-50mm^2 khoảng từ cột 1 đến TBA Bình Hòa 3 không đảm bảo khoảng cách an toàn,

+ Tận dụng lại toàn bộ dây dẫn (3AV95+1AV70)mm^2 khoảng từ cột (1.2).2 thay mới đến cột (1.2).12 chiều dài 410m và 01 cáp nhôm vặn xoắn (4x95)mm^2 khoảng từ cột (1.2.3).1 đến cột (1.2).12 chiều dài 473m.

- Xà, giá thép:

+ Lộ sử dụng cáp 3 pha 4 dây: Thay mới toàn bộ xà giá thép sử dụng xà 3 pha 4 dây lệch 1 phía để lánh hành lang dân cư; các vị trí đầu, cuối và néo trung gian tuyến sử dụng bộ xà XKL4-1T và xà XKL4-1T (TA) lắp trên cột trung áp; các vị trí còn lại sử dụng bộ xà XĐL4-1T cho cột LT-8.5m lắp trên ngọn cột và sử dụng bộ xà XĐL4-1T (TA) cho các vị trí lắp trên cột trung thế.

+ Lộ sử dụng cáp vặn xoắn: Toàn bộ các vị trí đều lắp mới 01 bộ xà XLVX-1T và xà XLVX-1T (TA) để lánh hành lang dân cư.

- Tiếp địa lặp lại: Lắp đặt 02 bộ tiếp địa lặp lại cho vị trí (1.2).6A và (1.2).11.

- Các hộp công tơ 1 pha, 3 pha và các dây sau công tơ sau tháo dỡ từ tuyến cũ được chuyển đến lắp đặt lại tại các vị trí cột mới tương ứng, thay dây dẫn đấu nối xuống hộp công tơ đảm bảo hộp công tơ treo cách mặt đất ~2,5m để hoàn trả cho điện lực quản lý vận hành.

- Phụ kiện: Thay mới toàn bộ phụ kiện để đảm bảo độ tin cậy cho cung cấp điện trong quá trình di chuyển đền bù và quản lý vận hành sau này.

- Thu hồi: Phần khối lượng vật tư thu hồi sau khi tháo dỡ tại hiện trường, tập trung tại 1 điểm, thành lập hội đồng kiểm đếm, lập biên bản ghi rõ chủng loại, tình trạng và bàn giao lại cho chủ đầu tư xử lý theo quy định.

10. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

- TCVN 9398:2012 - Công tác trắc địa trong xây dựng công trình - Yêu cầu chung;

- Tiêu chuẩn đường bộ Việt Nam TCCS 31 : 2020/TCĐBVN: Đường ô tô - Tiêu chuẩn khảo sát;

- Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 8867: 2025; Áo đường mềm - Xác định mô đun đàn hồi chung của kết cấu bằng cần đo võng BENKELMAN;

- Đường ô tô - yêu cầu thiết kế TCVN 4054-2005.

- Áo đường mềm - các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế TCCS 38-2022.

- Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 13567-1: 2022: Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng - Thi công và nghiệm thu - Phần 1: Bê tông nhựa chặt sử dụng nhựa đường thông thường;

- Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 13567-2: 2022: Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng - Thi công và nghiệm thu - Phần 2: Bê tông nhựa chặt sử dụng nhựa đường polyme;

- Tiêu chuẩn khảo sát thiết kế nền đường ô tô đắp trên nền đất yếu TCCS 41:2022/TCĐBVN.

- Công trình thủy lợi – Quy trình thiết kế tường chắn công trình thủy lợi TCVN 9152:2012.

- Tiêu chuẩn công trình thủy lợi - nền các công trình thủy công - yêu cầu thiết kế TCVN 4253:2012.

- TCVN 5574 - 2018: Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 9436 - 2012: Nền đường ô tô - Thi công và nghiệm thu;

- TCVN 11823:2017: Thiết kế cầu đường bộ.

- QCVN 02:2022/BXD Quy chuẩn xây dựng quốc gia về Số liệu điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng;

- QCVN 07:2023/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật;

- QCVN QTĐ-5:2009/BCT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Kỹ thuật điện - Tập 5: Kiểm định trang thiết bị hệ thống điện;

- QCVN QTĐ-6:2009/BCT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Kỹ thuật điện - Tập 6: Vận hành, sửa chữa trang thiết bị hệ thống điện;

- QCVN QTĐ-7:2009/BCT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Kỹ thuật điện - Tập 7: Thi công các công trình điện;

- QCVN QTĐ-8:2010/BCT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Kỹ thuật điện - Tập 8: Quy chuẩn kỹ thuật điện hạ áp;

- Quy phạm trang bị điện: 11 TCN-18-2006, 11 TCN-19-2006, 11 TCN-20-2006, 11 TCN-21-2006 do Bộ Công nghiệp ban hành kèm theo quyết định số 19/2006/QĐ-BCN ngày 11/7/2006;

- Quy trình an toàn điện ban hành kèm theo Quyết định số 959/QĐ-EVN ngày 26/7/2021 của Tổng Giám đốc Tập đoàn Điện lực Việt Nam;

- Tiêu chuẩn kỹ thuật lựa chọn thiết bị thống nhất trong Tổng công ty điện lực Miền Bắc số 318/QĐ-EVNNPC ngày 03/02/2016;

- Tiêu chuẩn Quốc Gia TCVN 8525:2015 - Máy biến áp phân phối;

- Tiêu chuẩn Quốc Gia TCVN 2737:2023-Tải trọng và tác động Tiêu chuẩn thiết kế;

- Tiêu chuẩn Quốc Gia TCVN 9362:2012 Tiêu chuẩn thiết kế nền nhà và công trình;

- Tiêu chuẩn Quốc Gia TCVN 5575:2012 - Kết cấu thép - Tiêu chuẩn thiết kế;

- Tiêu chuẩn Quốc Gia TCVN 10307:2014 - Kết cấu cầu thép Yêu cầu kỹ thuật chung về chế tạo, lắp ráp và nghiệm thu;

- Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 5847:2016 Cột điện bê tông cốt thép li tâm;

- Tiêu chuẩn Quốc Gia TCVN 5408:2007 - Lớp phủ kẽm nhúng nóng trên bề mặt sản phẩm gang và thép yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử;

- Tiêu chuẩn Quốc Gia TCVN 1916:1995 Bu lông, vít, vít cấy và đai ốc - yêu cầu kỹ thuật;

- Tiêu chuẩn Quốc Gia TCVN 2061:1977 - Vòng đệm, kích thước;

- TCVN 3608:2023 – Chiếu sáng nhân tạo bên ngoài các công trình công cộng và kỹ thuật hạ tầng đô thị - Tiêu chuẩn thiết kế;

- Và các quy trình, quy phạm hiện hành khác.

11. Tổng mức đầu tư: 13.000.000.000 đồng

(Bằng chữ: Mười ba tỷ đồng chẵn ./.)

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	11.686.254.000	đồng
- Chi phí quản lý dự án:	317.349.000	đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	860.229.000	đồng
- Chi phí khác:	115.976.000	đồng
- Chi phí dự phòng:	20.192.000	đồng

12. Tiến độ thực hiện: Năm 2026 - 2027.

13. Nguồn vốn: Ngân sách xã và các nguồn vốn hợp pháp khác.

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Chủ đầu tư thuê tư vấn quản lý dự án.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

Giao Phòng Kinh tế xã Giao Thủy theo chức năng, nhiệm vụ tổ chức thực hiện các nội dung tại Quyết định này đảm bảo chặt chẽ, tuân thủ đúng các quy định pháp luật.

Chủ đầu tư giao cho đơn vị tư vấn quản lý dự án quản lý, điều hành dự án; triển khai các bước tiếp theo đúng quy định về quản lý đầu tư xây dựng; chịu trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình quản lý, thực hiện dự án đảm bảo

tuân thủ quy định hiện hành của Nhà nước về đầu tư công.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã, Trưởng Phòng kinh tế xã và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ GIAO THỦY T.NINH BÌNH

Trần Hoài Thanh